

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C1

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100101	NGÔ THỊ THÚY	CHÂU	14/09/2004	1	
2	100102	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	19/10/2004	2	
3	100103	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/03/2004	2	
4	100104	LÊ HUỖNH	ĐỨC	19/05/2004	3	
5	100105	TRẦN MINH	ĐỨC	26/01/2004	3	
6	100106	ĐẶNG THÀNH	ĐỨC	03/11/2004	3	
7	100107	LA QUỐC HOÀNG	GIANG	11/09/2004	3	
8	100108	LÂM VĂN	HẢI	12/04/2004	3	
9	100109	DƯƠNG BẢO	HÂN	13/06/2002	3	
10	100110	NGUYỄN DƯƠNG THANH	HIẾU	25/05/2004	4	
11	100111	THÁI PHẠM MY	HOÀN	06/02/2004	4	
12	100112	NGUYỄN LÊ	HÙNG	07/10/2004	4	
13	100113	LÊ NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	17/01/2004	5	
14	100114	BÙI THỊ NHƯ	LAN	15/02/2004	5	
15	100115	CAO BẢO	LONG	09/02/2004	6	
16	100116	LÊ MINH	MUÔN	30/10/2004	6	
17	100117	LẠI THỊ KIM	NGỌC	10/03/2004	7	
18	100118	NGUYỄN Ý	NHI	08/11/2004	8	
19	100119	TRẦN HẠNH	NHI	26/05/2004	7	
20	100120	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHI	29/12/2004	7	
21	100121	NGUYỄN NGỌC	NHI	07/06/2004	7	
22	100122	NGUYỄN THANH	PHONG	27/11/2004	8	
23	100123	VÕ MINH	PHỤNG	25/03/2004	9	
24	100124	LÊ HỒNG	PHƯƠNG	15/11/2004	9	
25	100125	PHẠM QUỐC	TẤN	22/04/2004	9	
26	100126	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	02/11/2004	10	
27	100127	ĐOÀN THỊ KIM	THOA	27/03/2004	10	
28	100128	LÂM MINH	THƯ	13/10/2004	10	
29	100129	ĐẶNG THỊ THU	THỦY	30/09/2004	10	
30	100130	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THY	19/12/2004	11	
31	100131	TRẦN THỊ CẨM	TIỀN	01/10/2004	11	
32	100132	NGUYỄN THỊ BÉ	TRANG	10/12/2004	11	
33	100133	TRẦN THỊ ANH	TRÚC	02/11/2004	11	
34	100134	PHẠM NGUYỄN THANH	TRÚC	23/06/2004	12	
35	100135	NGUYỄN MẠNH	TRƯỜNG	13/07/2004	12	
36	100136	VĂN MỸ	UYÊN	18/08/2004	12	
37	100137	ĐOÀN THẢO	UYÊN	17/11/2004	12	
38	100138	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	UYÊN	05/05/2004	12	
39	100139	ĐẶNG TRẦN THANH	VÂN	22/04/2004	12	
40	100140	TRƯƠNG NHẬT Ý	VY	27/02/2004	13	

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
41	100141	PHẠM NGỌC THÚY	VY	25/07/2004	13	
42	100142	LẠI THỊ KHÁNH	VY	26/07/2004	13	
43	100143	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	20/05/2004	13	
44	100144	ĐỖ THỊ NGỌC	YẾN	04/07/2004	13	

Danh sách này có 44 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C2

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100201	TRƯƠNG GIA	BẢO	25/09/2004	1	
2	100202	LẠI KHÁNH THÀNH	ĐẠT	26/03/2004	2	
3	100203	ĐÀO VĂN	ĐỘ	22/03/2004	2	
4	100204	NGUYỄN HỒ HẢI	ĐÔNG	13/12/2004	3	
5	100205	NGÔ THỊ HỒNG	GẮM	20/05/2004	3	
6	100206	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	01/07/2004	3	
7	100207	NGUYỄN PHAN TRUNG	HẬU	28/05/2004	4	
8	100208	LÊ NGỌC	HIỀN	19/04/2004	4	
9	100209	NGUYỄN CHUNG MINH	HIỂU	25/01/2004	4	
10	100210	LƯU TRỊNH HUY	HOÀNG	09/03/2004	4	
11	100211	SỖ NHẬT	HUY	06/03/2004	4	
12	100212	VÕ THỊ THU	HUYỀN	11/03/2004	4	
13	100213	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUYỀN	23/12/2004	4	
14	100214	VÕ MINH	KHANG	16/05/2004	5	
15	100215	ĐỖ LÊ TRUNG	KIÊN	08/11/2004	5	
16	100216	ĐỖ HỮU TRUNG	KIÊN	23/03/2004	5	
17	100217	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/03/2004	5	
18	100218	TRƯƠNG THỊ THÚY	KIỀU	27/05/2004	5	
19	100219	TRẦN HỒ	KỶ	11/10/2004	5	
20	100220	LẠI HOÀNG	LỘC	06/08/2004	6	
21	100221	TRÀ TRẦN TẤN	LỘC	12/06/2004	6	
22	100222	NGUYỄN HỮU	LUÂN	10/11/2004	6	
23	100223	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	22/12/2004	6	
24	100224	MAI THỊ HÀ	MY	26/03/2004	6	
25	100225	NGUYỄN TRẦN HIỂU	NGỌC	30/12/2004	7	
26	100226	BÙI GIA	NHỰT	17/08/2004	8	
27	100227	VÕ HOÀNG	PHONG	25/11/2003	8	
28	100228	PHẠM XUÂN	PHONG	13/03/2004	8	
29	100229	LÊ NGỌC	PHÚ	07/05/2004	8	
30		NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	04/08/2004		
31	100231	LẠI THỊ KIM	QUYÊN	20/03/2004	9	
32	100232	HOÀNG	TIẾN	26/03/2004	11	
33	100233	TRẦN MINH	TÍNH	09/10/2004	11	
34		PHẠM NGUYỄN ANH	TÚ	20/09/2004		
35		TIÊU NGỌC	TÚ	02/04/2004		
36	100236	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	02/11/2004	12	
37	100237	TRẦN KHÁNH	XUÂN	22/10/2004	13	
38	100238	TỔNG THỊ HOÀNG	YẾN	16/10/2004	13	
39		Đỗ Thành	Nhân	18/10/2004		

Danh sách này có 35 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C3

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100301	LÊ THỊ CẨM	ÂN	31/07/2004	1	
2	100302	VÕ HUỖNH GIA	BẢO	28/07/2004	1	
3	100303	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	06/12/2003	3	
4	100304	VŨ GIA	HÂN	27/08/2004	3	
5	100305	MAI THANH	HẰNG	11/10/2004	3	
6	100306	CAO CHÍ	HÀO	22/07/2004	3	
7	100307	TRẦN TẤN	HOAN	05/10/2004	4	
8	100308	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/2004	4	
9	100309	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	18/10/2004	4	
10	100310	NGUYỄN DUY AN	KHƯƠNG	01/12/2004	5	
11	100311	PHẠM ÚT XUÂN	LAN	10/09/2004	5	
12	100312	NGÔ THỊ THUỶ	LINH	25/11/2004	5	
13	100313	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	29/04/2004	5	
14	100314	CAO MINH	LỢI	22/12/2004	6	
15	100315	NGUYỄN THÀNH	LONG	22/09/2004	6	
16	100316	CAO NGUYỄN ANH	MẠNH	28/05/2004	6	
17	100317	NGUYỄN PHAN HOÀI	MINH	10/09/2004	6	
18	100318	LÝ KIM	NGÂN	17/08/2004	6	
19	100319	CAO TRỌNG	NGHĨA	09/12/2004	7	
20	100320	NGUYỄN MINH	NHẬT	06/12/2004	7	
21	100321	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/08/2004	7	
22	100322	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	12/06/2004	8	
23	100323	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	02/08/2004	8	
24	100324	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	02/06/2004	8	
25	100325	HUỖNH THÀNH	PHÁT	07/11/2004	8	
26	100326	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	06/10/2004	8	
27	100327	LÊ NGỌC	PHÚ	06/04/2004	8	
28	100328	TRẦN NGỌC	PHÚC	30/06/2004	9	
29	100329	TRẦN TẮC	QUYỀN	18/09/2004	9	
30	100330	NGUYỄN THỊ THANH	SEN	29/04/2004	9	
31		CAO TRẦN BỬU	THÁI	21/08/2003		
32	100332	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	18/06/2004	10	
33	100333	PHAN NGUYỄN HOÀNG	THƯ	18/06/2004	10	
34	100334	VƯƠNG LÊ HIỀN	THỰC	27/10/2004	10	
35	100335	TỬ GIANG	THÙY	25/10/2003	10	
36	100336	TRẦN MINH THẾ	TUẤN	27/01/2004	12	
37	100337	LÊ CÔNG	VINH	11/03/2004	12	

Danh sách này có 36 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C4

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100401	NGUYỄN HOÀNG	AN	16/11/2004	1	
2	100402	TRẦN ANH	BẢO	13/12/2004	1	
3	100403	TRƯƠNG ANH	BẢO	12/09/2004	1	
4	100404	LÂM THÀNH	ĐẠT	10/07/2004	2	
5	100405	NGUYỄN HOÀNG	DINH	24/09/2004	2	
6	100406	NGUYỄN HOÀNG THANH	HẢI	11/04/2004	3	
7	100407	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	05/05/2004	3	
8	100408	NGÔ THỊ CẨM	HỒNG	20/02/2004	4	
9	100409	HỒ PHÚ	KHÁNH	26/04/2004	5	
10	100410	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	16/06/2004	5	
11	100411	TRẦN NGỌC	LAN	04/11/2004	5	
12	100412	NGUYỄN THÀNH	LONG	06/02/2004	6	
13	100413	DƯƠNG THÀNH	LONG	06/04/2004	6	
14	100414	VÕ THỊ THANH	NGÂN	20/06/2004	7	
15	100415	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	13/07/2004	7	
16	100416	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	25/08/2004	6	
17	100417	TRẦN KIM	NGÂN	28/11/2004	6	
18	100418	LÊ TRỌNG	NGHĨA	28/10/2004	7	
19	100419	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN	18/05/2004	7	
20	100420	NGUYỄN MINH	NHẬT	21/12/2003	7	
21	100421	NGUYỄN THANH TUYẾT	NHI	26/11/2004	7	
22	100422	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	08/11/2004	7	
23	100423	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	NHƯ	07/10/2004	8	
24	100424	NGUYỄN THỊ TUYẾT	OANH	08/10/2004	8	
25	100425	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	26/05/2004	8	
26	100426	ĐỖ HUY	PHƯỚC	26/10/2004	9	
27	100427	PHẠM NGÔ SỸ	QUYẾT	08/12/2004	9	
28	100428	NGUYỄN THÀNH	TÀI	08/11/2004	9	
29	100429	NGÔ KHAI	THÀNH	14/01/2004	9	
30	100430	VÕ MINH	THƯ	18/04/2004	11	
31	100431	LÝ ANH	THƯ	09/06/2004	10	
32	100432	ĐOÀN THỊ THANH	THỦY	14/08/2004	10	
33	100433	CHÂU KIỀU	TIÊN	16/09/2004	11	
34	100434	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIÊN	12/11/2004	11	
35	100435	ĐÀO THỊ THÚY	VY	17/07/2004	13	
36	100436	NGUYỄN NGỌC KIM	YẾN	30/10/2003	13	

Danh sách này có 36 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C5

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100501	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	03/01/2004	1	
2	100502	DƯƠNG QUỲNH	ANH	27/11/2004	1	
3	100503	LÝ NGỌC	BÍCH	11/11/2004	1	
4	100504	DƯƠNG VĂN	CÓ	24/08/2004	1	
5	100505	HỒ CHÍ	CÔNG	05/11/2004	1	
6	100506	ĐỖ HIẾU	CƯỜNG	01/05/2004	1	
7	100507	TRẦN THÀNH	ĐẠT	06/04/2004	2	
8	100508	TRẦN TRUNG	HẬU	04/09/2004	4	
9	100509	NGUYỄN VĂN	HÙNG	14/10/2004	4	
10	100510	MOHA MACH	KASIM	10/04/2004	5	
11	100511	NGUYỄN THANH	KHÔI	17/12/2004	5	
12	100512	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	06/03/2004	5	
13	100513	LẠI HOÀNG	LỢI	06/08/2004	6	
14	100514	NGUYỄN HÀ THANH	MAI	04/08/2004	6	
15	100515	SEN THANH	NGỌC	30/08/2004	7	
16	100516	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	11/07/2004	7	
17	100517	HUỲNH DIỆP THÀNH	NHÂN	03/04/2004	7	
18	100518	TRỊNH HOÀNG TUYẾT	NHI	26/03/2004	7	
19	100519	NGUYỄN PHỤNG HỒNG	PHÁT	16/02/2004	8	
20	100520	HUỲNH THANH	PHÚ	25/11/2003	8	
21	100521	HUỲNH LÊ KIM	PHÚC	22/04/2004	9	
22	100522	NGUYỄN VỸ	PHÚC	24/07/2004	9	
23	100523	ĐỖ NGUYỄN	PHƯƠNG	10/10/2003	9	
24	100524	TRẦN THANH	PHƯƠNG	13/06/2004	9	
25	100525	VÕ VĂN	THÁI	16/12/2004	9	
26	100526	DƯƠNG THỊ MINH	THI	02/04/2004	10	
27	100527	TRIỆU ANH	THƯ	27/09/2004	10	
28	100528	PHẠM THỊ ĐOAN	TRANG	16/12/2004	11	
29	100529	PHẠM THỊ THU	TRANG	19/12/2004	11	
30	100530	ĐẶNG KIM	TRÚC	28/12/2004	11	
31	100531	HUỲNH PHƯƠNG	TRÚC	10/12/2004	11	
32	100532	ĐOÀN THỊ THU	VÂN	17/11/2004	12	
33	100533	LÊ NGUYỄN HẢI	VY	15/07/2004	13	
34	100534	NGUYỄN MỘNG ANH	VY	27/11/2004	12	
35	100535	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	29/06/2004	13	
36	100536	BÙI THỊ KIM	XUÂN	16/09/2004	13	

Danh sách này có 36 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C6

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100601	NGUYỄN THANH	ÂN	26/01/2004	1	
2	100602	LÝ THIÊN	BẢO	30/01/2004	1	
3	100603	ĐÀO LINH	CHƯƠNG	28/07/2004	1	
4	100604	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/04/2004	2	
5	100605	NGUYỄN ANH	ĐỨC	29/12/2004	3	
6	100606	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	25/01/2003	2	
7	100607	VÕ NGỌC THÙY	DUNG	11/05/2004	2	
8	100608	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIANG	28/10/2004	13	
9	100609	TRỊNH GIA	HÀO	16/02/2004	3	
10	100610	DƯƠNG GIA	HÀO	29/08/2004	3	
11	100611	NGUYỄN HỮU	HUÂN	29/04/2004	4	
12	100612	THÁI NGUYỄN HOÀNG	HUY	26/09/2004	4	
13	100613	TRẦN HOÀNG	KHANG	27/06/2004	5	
14	100614	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	30/03/2004	5	
15	100615	NGUYỄN CÔNG	MINH	03/12/2004	6	
16	100616	HUỲNH TIẾN	PHÁT	09/01/2004	8	
17	100617	HỨA KIM	PHÁT	14/11/2004	8	
18	100618	NGÔ ĐÔNG LÊ	PHONG	23/09/2004	8	
19	100619	LÊ HỒ NHƯ	QUỲNH	13/09/2004	9	
20	100620	LÊ THIẾT	SANG	10/06/2003	9	
21	100621	PHAN GIA	TÀI	01/12/2004	9	
22	100622	NGÔ THANH	TÂM	29/09/2004	9	
23	100623	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	19/08/2003	10	
24	100624	NGUYỄN THANH	THẢO	04/06/2004	10	
25	100625	TRẦN THỊ BÉ	THẢO	20/01/2003	10	
26	100626	HUỲNH THỊ KIM	THIỆN	12/11/2004	10	
27	100627	ĐẶNG LÊ HUY	THỊNH	11/10/2004	10	
28	100628	TRẦN CAO HOÀI	THƯƠNG	01/04/2004	11	
29	100629	TRẦN NGÔ NGỌC HỒNG	THY	20/10/2004	11	
30	100630	HUỲNH BẢO	TOÀN	06/01/2004	11	
31	100631	DƯƠNG THẠCH BẢO	TRÂN	01/01/2004	11	
32	100632	NGUYỄN ANH	TRÍ	13/04/2004	11	
33	100633	ĐÀO TRỌNG	TUẤN	20/04/2004	12	
34	100634	PHẠM NGUYỄN NGỌC	UYÊN	12/11/2004	12	
35	100635	ĐỖ THỤY THANH	XUÂN	12/07/2004	13	
36	100636	TRẦN VÕ HOÀNG	YẾN	25/08/2004	13	

Danh sách này có 36 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100701	LÊ THỊ KIỀU	ANH	01/11/2004	1	
2	100702	TRỊNH HOÀI	BẢO	06/08/2004	1	
3	100703	PHAN CÔNG	CHỨC	09/08/2004	1	
4	100704	LA TUẤN	CƯỜNG	02/02/2004	2	
5	100705	ĐÌNH HẢI	ĐĂNG	24/04/2004	2	
6	100706	BÙI TIẾN	ĐẠT	16/08/2004	2	
7	100707	BÙI PHONG	ĐẠT	24/10/2004	2	
8	100708	ĐẶNG THANH	DOANH	17/06/2004	2	
9	100709	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	17/09/2004	3	
10	100710	ĐỖ HỮU THIÊN CHÁN	ĐÔNG	26/05/2004	2	
11	100711	PHAN HÙNG	DŨNG	21/06/2004	2	
12	100712	NGUYỄN CAO KỶ	DUYÊN	08/02/2004	2	
13	100713	THÁI THỊ BẢO	HÂN	14/10/2004	3	
14	100714	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HẰNG	07/11/2004	3	
15	100715	NGUYỄN HOÀNG	HIỆP	02/08/2003	13	
16	100716	THẠCH THỊ KIỀU	HOA	16/03/2003	4	
17	100717	TRẦN LƯU TRUNG	HOÀNG	23/06/2004	4	
18	100718	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG	KHOA	24/09/2004	5	
19	100719	PHẠM PHÚ	LỘC	22/08/2004	6	
20		LIU DANH	LUÔNG	23/08/2004		
21	100721	PHAN NGUYỄN HOÀI	NAM	06/08/2004	6	
22	100722	QUÁCH TÚ	NGA	05/12/2004	6	
23	100723	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	NGHI	16/08/2004	7	
24	100724	LÂM UYÊN	NHI	22/05/2004	7	
25	100725	NGUYỄN VĂN	PHÚ	08/02/2004	9	
26	100726	PHAN TẤN	TÀI	29/06/2003	13	
27	100727	PHẠM XUÂN	THÀNH	27/03/2004	10	
28	100728	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	01/12/2004	11	
29	100729	TRẦN VÕ KIM	THUẬN	04/11/2004	10	
30	100730	NGUYỄN DƯƠNG MINH	THUẬN	11/08/2003	10	
31	100731	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/04/2004	11	
32	100732	TRẦN NGỌC THU	TRANG	01/03/2004	11	
33	100733	NGUYỄN MINH	TUẤN	15/01/2004	12	
34	100734	LÝ THANH	TUYỀN	04/06/2004	12	
35	100735	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	10/04/2004	13	
36	100736	NGUYỄN THÁI NGỌC	VY	09/04/2004	13	
37	100737	NGUYỄN THỊ THANH	VY	04/05/2004	13	

Danh sách này có 36 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH THI HỌC KÌ 2 NH 2019 - 2020
LỚP: 10C8

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	100801	HÀ HUỖNH THÚY	AN	18/11/2004	1	
2	100802	NGUYỄN NGỌC BẢO	ÂN	14/11/2004	1	
3	100803	LIU PHÚC	BẢO	01/08/2004	1	
4	100804	THÂN GIA	BẢO	31/03/2004	1	
5	100805	LÊ TRỊNH HOÀNG	DANH	12/08/2004	2	
6	100806	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	15/02/2004	2	
7	100807	PHÙNG XUÂN	ĐÔNG	11/01/2003	3	
8	100808	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	20/08/2004	2	
9	100809	NGUYỄN MINH	DUY	24/03/2004	2	
10	100810	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	07/12/2004	2	
11	100811	SEN THANH	HÀ	30/08/2004	3	
12	100812	NGÔ MINH	HÙNG	25/01/2004	4	
13	100813	DƯƠNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	06/04/2004	5	
14	100814	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	26/10/2004	13	
15	100815	NGUYỄN QUỐC	HUY	20/10/2004	4	
16	100816	NGUYỄN KHÁNH	HUY	06/04/2004	4	
17	100817	LÊ THÀNH	HUY	10/05/2004	13	
18	100818	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	03/08/2004	5	
19	100819	NGUYỄN HOÀNG MINH	LOAN	30/11/2003	6	
20	100820	LIU THANH	NGÂN	16/05/2004	7	
21	100821	LÊ THỊ MỸ	NGÂN	21/06/2004	7	
22	100822	PHẠM NGỌC	NHƯ	01/12/2004	8	
23	100823	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	18/12/2004	8	
24	100824	LỘ THỊ CẨM	NHUNG	15/10/2003	8	
25	100825	PHẠM VĂN	PHỤC	12/08/2004	9	
26	100826	HỨA THIÊN	THANH	14/09/2004	9	
27	100827	HUỖNH THỊ HỒNG	THI	19/04/2004	10	
28	100828	TẠ LÝ	THUẬN	09/06/2004	10	
29	100829	CAO THỊ NGỌC	TRÂM	03/06/2004	13	
30	100830	NGUYỄN NGỌC MINH	TRANG	08/08/2004	11	
31	100831	BÙI DƯƠNG THANH	TRÚC	07/08/2004	12	
32	100832	PHẠM THỊ XUÂN	TRÚC	20/07/2004	12	
33	100833	NGUYỄN PHƯỚC	TRUNG	25/11/2004	12	
34	100834	TRẦN ANH	TÚ	04/11/2004	12	
35	100835	TRẦN NGUYỄN ANH	TUẤN	03/01/2004	12	
36	100836	PHẠM VÕ ANH	TUẤN	30/11/2004	12	
37	100837	LỈ HỒNG	VŨ	04/03/2004	12	

Danh sách này có 37 học sinh